

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN
NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 5A Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 25

228-C
G TY
HỮU H
VÀ ĐINH
T NAM
Y - TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Minh	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Thanh Minh	Giám đốc
---------------------	----------

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG



Phạm Thanh Minh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Số: 62 - 21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 22/02/2021, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Hồng Vân

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Ngô Bá Thiêm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2020-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.718.810.420	41.337.317.644
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	23.721.741.519	34.954.986.882
1. Tiền	111		13.521.741.519	6.154.986.882
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.200.000.000	28.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.400.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	17.400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.547.380.151	6.303.066.606
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	5.254.317.243	4.468.387.646
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	27.860.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	2.265.202.908	1.834.678.960
IV. Hàng tồn kho	140	V.6.	2.847.000	2.956.500
1. Hàng tồn kho	141		2.847.000	2.956.500
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.841.750	76.307.656
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	46.040.750	76.307.656
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.b	801.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.767.872.511	31.425.261.274
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.757.674.021	31.371.785.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	27.757.674.021	31.371.785.504
- Nguyên giá	222		107.582.446.496	109.836.301.981
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.824.772.475)	(78.464.516.477)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.198.490	53.475.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	10.198.490	53.475.770
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		76.486.682.931	72.762.578.918

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C NỢ PHẢI TRẢ	300		10.431.002.421	7.358.571.952
I. Nợ ngắn hạn	310		10.071.002.421	6.998.571.952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	21.443.246	333.282.086
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	282.491.017	74.457.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.a	960.123.098	1.169.184.637
4. Phải trả người lao động	314		2.459.586.813	3.423.460.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	678.998.671	510.773.172
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13.	415.263.640	731.568.187
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.a	27.386.615	50.518.545
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15.	4.482.127.932	444.317.309
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		743.581.389	261.009.735
II. Nợ dài hạn	330		360.000.000	360.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.b	360.000.000	360.000.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.055.680.510	65.404.006.966
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	66.055.680.510	65.404.006.966
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.001.124.543	6.001.124.543
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.247.167.260	6.247.167.260
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.717.917.044	2.717.917.044
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.089.471.663	8.437.798.119
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.187.493.465	1.187.493.465
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.901.978.198	7.250.304.654
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		76.486.682.931	72.762.578.918

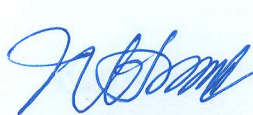
Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Mai Đình

Nguyễn Ngọc Toàn

Phạm Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	44.598.706.111	44.431.242.696
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		44.598.706.111	44.431.242.696
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	31.305.281.619	30.904.046.489
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.293.424.492	13.527.196.207
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.317.192.868	1.199.142.524
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	49.513.815	12.065.781
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	5.813.461.513	5.623.364.770
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		8.747.642.032	9.090.908.180
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	455.128.052	54.975.155
12. Chi phí khác	32	VI.6.	4	68.697.970
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		455.128.048	(13.722.815)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.202.770.080	9.077.185.365
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	1.300.791.882	1.826.880.711
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.901.978.198	7.250.304.654
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	1.297,61	1.300,00

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Mai Đình

Nguyễn Ngọc Toàn

Phạm Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		49.217.584.962	49.523.666.310
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(17.435.643.188)	(16.474.375.793)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.608.514.701)	(13.013.987.103)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.934.880.711)	(1.673.252.309)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.741.420.558	8.450.307.548
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.436.425.587)	(18.084.709.485)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.543.541.333	8.727.649.168
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(547.368.965)	(3.083.308.913)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.407.920.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(45.400.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.262.862.777	1.130.455.694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.276.586.188)	(1.952.853.219)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.460.000.000)	(5.460.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.460.000.000)	(5.460.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.193.044.855)	1.314.795.949
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.954.986.882	33.644.609.122
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(40.200.508)	(4.418.189)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	23.721.741.519	34.954.986.882

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Dinh



Nguyễn Ngọc Toàn



Phạm Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 638/BNT-TCCB ngày 27 tháng 05 năm 1977 của Bộ Ngoại thương, sau đó được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0203003359 ngày 08/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 số 0200128737 ngày 13/05/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thì Vốn Điều lệ của Công ty là **42.000.000.000 VND** (Bốn mươi hai tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận kho vận ngoại thương.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận, kho vận, thuê và cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải, bốc xếp, thu gom chia lẻ, bảo quản đóng gói, phân loại hàng hóa làm thủ tục xuất nhập khẩu, hải quan, mua bảo hiểm hàng hóa. Nhận ủy thác của các đơn vị kinh tế, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Tổ chức chuyên chở giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa ngoại giao, hàng quá cảnh, hàng hội chợ triển lãm, hàng thiết bị triển lãm, văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, hàng biếu tặng, hàng mẫu, hàng quý. Tài liệu, chứng từ vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện vận tải;
- Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế. Dịch vụ liên quan đến kho ngoại quan;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, sản phẩm đồ mộc, hàng nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh máy vi tính và linh kiện, phụ kiện máy vi tính;
- Đại lý tàu biển. Đại lý cho các hãng tàu nước ngoài về giao nhận vận tải thương mại;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch, dịch vụ ăn uống, giải khát, khách sạn và dịch vụ khách sạn./.

(Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trụ sở Công ty tại: Số 5A Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	05 – 10

Ngoài ra, Công ty còn giữ hộ tài sản cố định là nhà 3 tầng Vạn Mỹ, có giá trị sổ sách là 259.630.487 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí bảo hiểm phương tiện, chi phí sắm lắp ô tô và các chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo hiểm phương tiện: Chi phí bảo hiểm phương tiện phát sinh một lần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí sắm lắp ô tô: Chi phí sắm lắp ô tô phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 7 đến 12 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc kế toán các chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí sản xuất kinh doanh như chi phí tiền điện, nước, điện thoại, trích trước chi phí giao nhận tháng 12, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán chi phí và dự toán trích trước, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giao nhận,... được ghi nhận theo số tiền mà khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ và đã xuất hoá đơn tài chính tại ngày thu tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận khi đầu tư và mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ giao nhận ngoại quan, dịch vụ giao nhận hàng nhập, dịch vụ lưu kho, bảo quản kho, dịch vụ vận tải, bốc xếp, cân hàng, dịch vụ cho thuê văn phòng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là thu nhập từ thanh lý một số phương tiện vận tải được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng, hóa đơn, biên bản bàn giao tài sản và thu nhập khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 5% đối với nước sinh hoạt thu lại khách hàng và 10% đối với các dịch vụ giao nhận, lưu kho, cân hàng và dịch vụ bốc xếp, vận chuyển.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2228-C
CÔNG TY
KIỂM HỮU
N VÀ ĐỊNH
T NAM
Y - TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền	13.521.741.519	6.154.986.882
Tiền mặt	95.571.000	152.095.000
Tiền gửi ngân hàng	13.426.170.519	6.002.891.882
Các khoản tương đương tiền	10.200.000.000	28.800.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (*)	10.200.000.000	28.800.000.000
Cộng	23.721.741.519	34.954.986.882

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn <= 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	17.400.000.000	17.400.000.000	-	-
Cộng	17.400.000.000	17.400.000.000	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Châu Giang	2.121.425.673	-	1.196.604.048	-
Công ty TNHH Thủy tinh SanMiguel Yamamura Hải Phòng	565.400.000	-	585.728.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật tại Hải Phòng	306.786.314	-	838.033.741	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	499.874.002	-	606.196.000	-
Các đối tượng khác	1.760.831.254	-	1.241.825.857	-
Cộng	5.254.317.243	-	4.468.387.646	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Huy An	27.860.000	-
Cộng	27.860.000	-

5. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khác	1.381.133.974	-	1.099.665.501	-
Công ty TNHH Engga	93.083.081	-	-	-
CN Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	88.400.952	-	108.607.589	-
Posco International Corporation	24.520.200	-	150.000.000	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đại Long Group	104.836.000	-	-	-
Evergreen shipping agency (VN) corporation	190.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Wan Hai Việt Nam	225.000.000	-	250.000.000	-
Lãi dự thu ngân hàng	92.996.944	-	132.839.452	-
Phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	51.743.948	-	120.712.480	-
Các đối tượng khác	510.552.849	-	337.505.980	-
Tạm ứng	834.540.464	-	689.788.069	-
Nguyễn Thị Thu Huyền	700.838.829	-	456.424.065	-
Lê Thị Hồng Nhung	110.026.228	-	214.951.521	-
Các đối tượng khác	23.675.407	-	18.412.483	-
Dư nợ TK 338	49.528.470	-	45.225.390	-
Dư Nợ Bảo hiểm xã hội	37.681.920	-	34.457.440	-
Dư Nợ Bảo hiểm y tế	7.136.310	-	6.460.770	-
Dư Nợ Bảo hiểm thất nghiệp	4.710.240	-	4.307.180	-
Cộng	2.265.202.908	-	1.834.678.960	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.847.000	-	2.956.500	-
Cộng	2.847.000	-	2.956.500	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2020	100.226.944.813	1.035.772.718	7.972.361.223	79.798.182	521.425.045	109.836.301.981	
Mua trong năm	-	181.000.000	-	-	-	181.000.000	
Đầu tư XDCB hoàn thành	333.062.695	-	-	-	-	333.062.695	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.767.918.180)	-	-	(2.767.918.180)	
Số dư ngày 31/12/2020	100.560.007.508	1.216.772.718	5.204.443.043	79.798.182	521.425.045	107.582.446.496	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2020	71.497.162.280	1.035.772.718	5.570.720.747	79.798.182	281.062.550	78.464.516.477	
Khấu hao trong năm	2.903.104.868	15.669.908	386.022.218	-	27.470.004	3.332.266.998	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.972.011.000)	-	-	(1.972.011.000)	
Số dư ngày 31/12/2020	74.400.267.148	1.051.442.626	3.984.731.965	79.798.182	308.532.554	79.824.772.475	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2020	28.729.782.533	-	2.401.640.476	-	240.362.495	31.371.785.504	
Tại ngày 31/12/2020	26.159.740.360	165.330.092	1.219.711.078	-	212.892.491	27.757.674.021	

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.694.116.964 đồng (31/12/2019: 31.462.836.004 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Chi phí trả trước	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	46.040.750	76.307.656
Phí bảo hiểm phương tiện	46.040.750	65.089.322
Ấu quy	-	2.733.335
Phí sử dụng đường bộ	-	8.484.999
b) Dài hạn	10.198.490	53.475.770
Chi phí sắm lốp ô tô	10.198.490	53.475.770
Cộng	56.239.240	129.783.426

9. Phải trả người bán

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV quản lý và kinh doanh Nhà Hải Phòng	-	-	64.242.734	64.242.734
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Huy	-	-	94.400.000	94.400.000
Công ty CP Thương mại dịch vụ tổng hợp cảng Hải Phòng	21.443.246	21.443.246	88.609.352	88.609.352
Các đối tượng khác	-	-	86.030.000	86.030.000
Cộng	21.443.246	21.443.246	333.282.086	333.282.086

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Konoike Transport Co., LTD	71.697.800	71.697.800
Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	193.500.000	2.760.000
Các đối tượng khác	17.293.217	-
Cộng	282.491.017	74.457.800

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2020
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội	211.191.446	3.379.972.515	2.882.276.693	708.887.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	804.880.711	1.300.791.882	1.934.880.711	170.791.882

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế thu nhập cá nhân	153.112.480	183.707.048	256.375.580	80.443.948
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.912.408.000	4.912.408.000	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.169.184.637	9.780.879.445	9.989.940.984	960.123.098
b) Phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	801.000	801.000
Cộng	-	-	801.000	801.000
12. Chi phí phải trả			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Ngắn hạn				
Chi phí sản xuất kinh doanh (tiền điện, nước, điện thoại,...)			678.998.671	510.773.172
Cộng			678.998.671	510.773.172
13. Doanh thu chưa thực hiện			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Ngắn hạn				
Doanh thu nhận trước dịch vụ lưu kho, giao nhận, cho thuê văn phòng			415.263.640	731.568.187
Cộng			415.263.640	731.568.187
14. Phải trả khác			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
a) Ngắn hạn			27.386.615	50.518.545
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn			6.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác			19.389.615	50.518.545
Cục thuế Thành phố Hải Phòng			-	34.350.000
Sở tài chính Thành phố Hải Phòng			19.389.615	-
Các đối tượng khác			-	16.168.545
Dư Có TK 138			1.997.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Phát			1.997.000	-
b) Dài hạn			360.000.000	360.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			360.000.000	360.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hồng Bàng			360.000.000	360.000.000
Cộng			387.386.615	410.518.545
15. Dự phòng phải trả			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Ngắn hạn				
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ định kỳ			4.482.127.932	444.317.309
Cộng			4.482.127.932	444.317.309

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2019	42.000.000.000	6.001.124.543	8.231.600.664	56.232.725.207
Lãi trong năm trước	-	-	7.250.304.654	7.250.304.654
Chia cổ tức	-	-	(5.460.000.000)	(5.460.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(1.584.107.199)	(1.584.107.199)
Số dư tại ngày 31/12/2019	42.000.000.000	6.001.124.543	8.437.798.119	56.438.922.662
Lãi trong năm nay	-	-	7.901.978.198	7.901.978.198
Chia cổ tức	-	-	(5.460.000.000)	(5.460.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	(1.790.304.654)	(1.790.304.654)
Số dư tại ngày 31/12/2020	42.000.000.000	6.001.124.543	9.089.471.663	57.090.596.206

(*) Các quỹ của công ty được trích lập theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 đã được thông qua Nghị quyết đại hội cổ đông ngày 19/03/2020.

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương	27.771.000.000	27.771.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	14.229.000.000	14.229.000.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.460.000.000	5.460.000.000

16.4. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

16.5. Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	6.247.167.260	-	-	6.247.167.260
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở	2.717.917.044	-	-	2.717.917.044
Cộng	8.965.084.304	-	-	8.965.084.304

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a) Tiền USD**

	31/12/2020	01/01/2020
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	458.747,86	105.327,78

b) Tài sản nhận giữ hộ:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Tài sản nhận giữ hộ				
Nhà 3 tầng Vạn Mỹ	1	259.630.487	1	259.630.487

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.598.706.111	44.431.242.696
Cộng	44.598.706.111	44.431.242.696

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII .2.**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.305.281.619	30.904.046.489
Cộng	31.305.281.619	30.904.046.489

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.316.017.213	1.194.999.256
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.174.321	4.141.592
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.334	1.676
Cộng	1.317.192.868	1.199.142.524

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.311.981	7.645.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	40.200.508	4.418.189
Chi phí tài chính khác	1.326	1.782
Cộng	49.513.815	12.065.781

5. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	455.117.052	-
Xử lý công nợ phải trả	-	36.793.255
Thu nhập khác	11.000	18.181.900
Cộng	455.128.052	54.975.155

6. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá trị còn lại tài sản cố định phá dỡ	-	48.480.645
Các khoản chi phí khác	4	20.217.325
Cộng	4	68.697.970

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	2.974.265.492	4.129.474.204
Chi phí vật liệu quản lý	52.610.952	60.647.315
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.314.955	74.237.700
Chi phí khấu hao TSCĐ	238.919.688	238.919.682
Thuế, phí và lệ phí	253.279.269	31.944.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.697.629.893	565.686.011
Chi phí bằng tiền khác	546.441.264	522.455.365
Cộng	5.813.461.513	5.623.364.770

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	9.202.770.080	9.077.185.365
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	88.600.508	57.218.189
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	9.291.370.588	9.134.403.554
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.858.274.118	1.826.880.711
Giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	(557.482.236)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.300.791.882	1.826.880.711

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	477.106.567	1.306.127.711
Chi phí nhân công	12.576.747.502	14.234.325.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.332.266.998	3.486.492.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.104.272.633	9.970.084.941
Chi phí bằng tiền khác	5.628.349.432	7.530.380.881
Cộng	37.118.743.132	36.527.411.259

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.901.978.198	7.250.304.654
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.452.000.000)	(1.790.304.654)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.452.000.000)	(1.790.304.654)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.452.000.000)	(1.790.304.654)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.449.978.198	5.460.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	1.297,61	1.300,00

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty ngày 19/03/2020.

Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020 được ước tính giả định lớn hơn bình quân 2 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2020.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19/03/2020:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Năm 2019		Năm 2019
	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.250.304.654	-	7.250.304.654
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.655.000.000)	(135.304.654)	(1.790.304.654)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.655.000.000)	(135.304.654)	(1.790.304.654)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.655.000.000)	(135.304.654)	(1.790.304.654)
- Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	-	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.332,22	(32,22)	1.300,00

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương

Mối quan hệ

Công ty mẹ

***) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu	49.250.710	37.086.737
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương	49.250.710	37.086.737

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác của các thành viên quản lý chủ chốt	585.312.425	746.975.449
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	77.000.000	84.000.000
Cộng	662.312.425	830.975.449

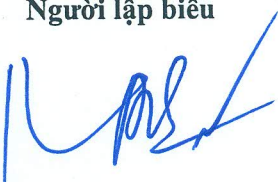
3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Đình

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Toán

Giám đốc



Phạm Thanh Minh



